TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2023/HS-ST

Ngày : 17 và 18 – 7 – 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải An

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Cảm .

- Ông Nguyễn Công Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Y Khang ÊBan_ Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17 và ngày 18/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 176/2023/HSST ngày 08/6/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2023/QĐXXST-HS ngày 04/7/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Chu Văn T**; Tên gọi khác: C; giới tính: Nam. Sinh ngày 28 tháng 12 năm 1990, tại tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Số nhà C Y, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Họ và tên cha: Chu Văn S (đã chết). Họ và tên mẹ: Bùi Thị L, sinh năm 1949. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: Không;Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk từ ngày 10/01/2023 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Chu Văn Q**; Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh ngày 04 tháng 9 năm 2001, tại tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Thôn N, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 9/12. Họ và tên cha: Chu Văn M, sinh năm 1980. Họ và tên mẹ: Đinh Thị V, sinh năm 1977. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: Không, Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk từ ngày 10/01/2023 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Lại Trung K - sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Trú tại: Số A Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T1 - sinh năm 1989 (Có mặt).

Trú tại: Số 579 Lê Duẩn, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột

2. Bà Nguyễn Thị P - sinh năm 1998 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2022, Chu Văn T có nhu cầu làm cửa nhôm cho gia đình tại thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nên thuê anh Lại Trung K, giữa T với anh K lập hợp đồng mua bán và thi công thể hiện việc anh K sẽ làm cửa nhôm cho gia đình T. Sau đó, do xảy ra mâu thuẫn trong quá trình thi công nên giữa T với anh K thống nhất sẽ chấm dứt hợp đồng, anh K phải trả lại cho Thông số tiền đã đặt cọc là 22.000.000 đồng. Sau nhiều lần yêu cầu anh K trả lại tiền cọc cho T nhưng anh K trốn tránh không gặp mặt.

Đến tháng 8/2022, anh K mới chuyển khoản trả cho Thông số tiền 9.000.000 đồng, còn nợ số tiền 13.000.000 đồng. T tiếp tục yêu cầu anh K trả tiền nhiều lần nhưng không được. Do vậy, khoảng 18h00’ ngày 24/8/2022, T rủ thêm cháu ruột là Chu Văn Q đến nhà anh K để đòi tiền. T điều khiển xe Mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe SH Mode, màu bạc đen, biển số 47P1 – 208.24 chở Q đến nhà anh K ở địa chỉ số A T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Q đem theo 01 con dao màu đen bằng kim loại dài khoảng 40cm, cán bằng gỗ, phần lưỡi hình chữ nhật, bản rộng khoảng 10cm và dắt trong người để phòng thân. Khi đến nơi, T nhiều lần yêu cầu anh K trả tiền nhưng anh K không trả. Thấy trên bàn làm việc của anh K có 01 màn hình máy tính và 01 máy in, T nói sẽ giữ các tài sản này khi nào anh kiên có tiền trả nợ cho T thì T sẽ trả lại tài sản. Đồng thời, T đứng dậy dùng hai tay kéo máy in trên bàn của anh K về phía mình nhưng anh K không đồng ý. Anh K thấy trên bàn có 01 con dao rọc giấy thì cầm lấy đưa về hướng T và giành lại máy in nên T bỏ tay ra. Khi thấy anh K dùng dao thì Chu Văn Q lấy con dao đã bọc sẵn trong người ra. Thấy vậy, anh K lấy ổ khóa đi ra phía cửa chính. Nghĩ rằng anh K ra khóa cửa không cho T và Q về nên T chạy tới đẩy cửa ra và gọi Q chạy ra ngoài còn anh K quay trở lại bàn làm việc của mình.

Khi cả hai đi ra ngoài, Q vẫn cầm dao trên tay đồng thời Q và T vẫn tiếp tục cãi vã, chửi bới đối với anh K. Sau đó, Q và T nhìn thấy có 01 chiếc xe Mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Nouvo, màu đỏ đen, biển số 47P1 – 053.55 của anh Nguyễn Văn T1 (là em rể anh K) đang để trước cửa nhà. Q hỏi T “có phải xe của nó không” thì T nói “cứ dắt đi, khi nào nó trả tiền thì trả lại”. Do xe không có chìa khóa nên T dắt bộ chiếc xe Mô tô biển số 47P1 – 053.55 đi. Thấy

vậy, anh K từ trong nhà đi ra yêu cầu Q và T không được dắt xe đi và dùng điện thoại di động quay lại sự việc. Trong lúc này, Q vẫn đang cầm dao trên tay thả xuôi theo người, khi thấy anh K đi ra sử dụng điện thoại để quay lại và thấy T dắt xe đi thì Q cất dao và điều khiển xe mô tô biển số 47P1 – 208.24 đi theo T.

Sau khi lấy được xe, do không có chìa khóa nên T và Q đẩy chiếc xe nêu trên đến Công an phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đến nơi, T và Q gặp anh Nguyễn Đình T2 là cán bộ Công an phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và trình bày lại sự việc, nhờ giúp đỡ và xin hướng giải quyết nhưng lại nhớ nhầm địa chỉ nhà anh K là số C T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tại đây, anh T2 đã giải thích cho T và Q về việc siết nợ lấy xe là không đúng quy định pháp luật và địa chỉ số C T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk không thuộc địa bàn quản lý của Công an phường T mà thuộc địa bàn phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đồng thời yêu cầu đem xe về trả lại cho anh K. Tuy nhiên, T và Q không trả mà đem chiếc xe Mô tô trên đến gửi trong bãi gửi xe trước cổng chợ Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, T nhắn tin đe dọa anh K với nội dung "M1 may mang tien qua lây xe cua may ve. Con khong tao thu nôt cai xe cua con me may luôn". Đến ngày 25/8/2022, T và Q tiếp tục đến nhà bà Nguyễn Thị P (là mẹ ruột của anh K) tại thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để yêu cầu trả nợ. Tuy nhiên, khi đến nơi thì T và Q không gặp ai. Bực tức vì không đòi được tiền, nhìn thấy con gà trống, màu đỏ đen, nặng 0,8kg ở trong vườn nhà bà P nên Q bắt con gà này đem về nhà. Sau khi biết chiếc xe Mô tô biển số 47P1 – 053.55 không phải của anh K mà là của anh T1 thì chiều ngày 26/8/2022, T và Q đã đem xe Mô tô trên trả lại cho anh T1 và đem con gà trả lại cho bà P.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 177/KL-HĐĐGTS ngày 28/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Nouvo, màu đỏ đen, số máy: 1DB1087673; số khung: DB10CY087663, biển số 47P1 – 053.55, tài sản đã qua sử dụng (tài sản thu hồi được), trị giá: 4.200.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 189/CT-VKS ngày 07/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố các bị cáo Chu Văn T và Chu Văn Q về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

[2] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử mở niêm phong và công khai các đoạn video ghi lại diễn biến sự việc do anh Lại Trung K cung cấp.

Quá trình tranh tụng, qua đánh giá toàn diện các tài liệu chứng cứ đã được thu thập, lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa; đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và thay đổi quyết định truy tố, kết luận các bị cáo về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự. Đồng thời, đề nghị HĐXX:

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Chu Văn T mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

Xử phạt Chu Văn Q mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

- Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự. Đề nghị chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại 01 chiếc xe Mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Nouvo, màu đỏ đen, biển số 47P1 – 053.55 cho anh Nguyễn Văn T1.

Trả lại 01 xe Mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe hai bánh từ 50 – 175cm3, số loại Sh Mode, dung tích xi lanh 124, màu Bạc Đen, biển số 47P1 – 208.24, số khung RLHJF5137GY348706, số máy JF51E-0674311 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 014019 mang tên Chu Văn T cho Chu Văn T nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo không bào chữa và tranh luận gì đối với hành vi đã thực hiện, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến và khiếu nại về các quyết định và hành vi tố tụng đó. Do vậy, quyết định và hành vi tố tụng của Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo:

Căn cứ vào quá trình tranh tụng tại phiên tòa, lời khai nhận của các bị cáo và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào khoảng 18h30’ ngày 24/8/2023, Chu Văn T và Chu Văn Q đã có hành vi dùng dao đe dọa và giữ lấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Nouvo, màu đỏ đen, biển số 47P1 – 053.55 có trị giá 4.200.000 đồng nhằm buộc anh Lại Trung K phải trả cho các bị cáo số tiền anh K còn nợ là 13.000.000 đồng. Đối với hành vi cầm dao của Chu Văn Q, trong quá trình thực hiện hành vi, bị cáo không dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc đối với anh Lại Trung K làm cho anh K lâm vào tình trạng không thể chống cự được là phù hợp với các đoạn video được trích xuất từ camera của gia đình người bị hại. Do đó, hành vi của các bị cáo là phạm vào tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

* ***Điều 170 của Bộ luật hình sự quy định:***

"1. Người nào đe dọa dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. ...."

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại và gây nên những ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật quan tâm bảo vệ, mọi hành vi xâm hại trái pháp luật đều bị trừng trị một cách thích đáng. Xong xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với các bị cáo thì mới phát huy được tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho người bị hại, người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; bị cáo Chu Văn T có cha là người có công với cách mạng, bị cáo Chu Văn Q có ông nội là người có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, các bị cáo tham gia với vai trò khác nhau nên cần phân hóa trách nhiệm hình sự để áp dụng mức hình phạt đối với từng bị cáo. Bị cáo Chu Văn T là người thực hiện hành vi tích cực và là người trực tiếp thực hiện hành vi nên hình phạt của bị cáo cao hơn so với bị cáo Chu Văn Q là phù hợp.

Xét quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, tập trung nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và việc phạm tội cũng xuất phát từ một phần trách nhiệm của người bị hại, việc cho các bị cáo được tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng răn đe và tạo điều kiện cho các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội nên cần chấp nhận.

[5] Về các biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 chiếc xe Mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Nouvo, màu đỏ đen, biển số 47P1 – 053.55, số máy 1DB1087673, số khung DB 10CY087663 quá trình điều tra xác minh là của anh Nguyễn Văn T1 nên Cơ quan điều tra trả cho anh Nguyễn Văn T1 là chủ sở hữu là phù hợp.

- Đối với 01 xe Mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe hai bánh từ 50 – 175cm3, số loại Sh Mode, dung tích xi lanh 124, màu Bạc Đen, biển số 47P1 – 208.24, số khung RLHJF5137GY348706, số máy JF51E-0674311 và 01 giấy chứng nhận

đăng ký xe số 014019 mang tên Chu Văn T, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho Chu Văn T, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị cáo đã bồi thường tổn thất về tinh thần cho anh Lại Trung K số tiền là 1.000.000 đồng, người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm. Xét việc bồi thường là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án..

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Chu Văn T và Chu Văn Q phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Chu Văn T mức án 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Chu Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt Chu Văn Q mức án 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Chu Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 584, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã giao trả 01 chiếc xe Mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Nouvo, màu đỏ đen, biển số 47P1 – 053.55, số máy 1DB1087673, số khung DB 10CY087663 cho anh Nguyễn Văn T1.

- Tuyên trả 01 xe Mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe hai bánh từ 50 – 175cm3, số loại Sh Mode, dung tích xi lanh 124, màu Bạc Đen, biển số 47P1 – 208.24, số khung RLHJF5137GY348706, số máy JF51E-0674311 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 014019 mang tên Chu Văn T cho Chu Văn T nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng hiện đang lưu trữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/7/2023 giữa Công an thành phố B với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột).

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Chu Văn T và Chu Văn Q, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận :
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;VKSND TP . BMT;
-TAND tỉnh Đắk Lắk; Công an TP . BMT;
-CCTHA DSTP.BMT, THA phạt tù;
-Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
-Chánh án;
- Lưu: HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hải An